

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PICOMAT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 12/2024/CV-PICOMAT

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi:

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Nhựa Picomat thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) đã kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

- Mã chứng khoán: PCH
- Địa chỉ: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.6329.0555
- Email: info@picomat.vn
- Website: <https://picomat.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 15/03/2024 tại đường dẫn:

BCTC riêng Picomat năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-rieng-picomat-nam-2023>

BCTC hợp nhất Picomat năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/bctc-hop-nhat-picomat-nam-2023>

Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất năm 2023: <https://picomat.com.vn/bao-cao-tai-chinh/giai-trinh-lnst-thu-nhap-doanh-nghiep-tai-bao-cao-kqhd-kd-cua-bctc-rieng-va-hop-nhat-cua-nam-2023>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất); Không có
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

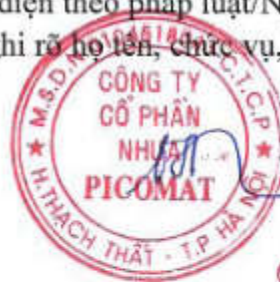
Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2023;
- BCTC hợp nhất năm 2023;
- Giải trình LNST BCTC riêng và hợp nhất năm 2023.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đào Thị Kim Oanh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05 - 06
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08 - 09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 9 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch	
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên	
Ông	Nguyễn Minh Đức	Thành viên	(Kết thúc nhiệm kỳ ngày 20/6/2023)
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên	(Bắt đầu nhiệm kỳ từ ngày 20/6/2023)
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên	
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên	

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thùy	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên
Bà	Đỗ Thị Hương	Thành viên

Tổ kiểm toán nội bộ

Ông	Nguyễn Trung Dũng	Tổ trưởng
Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC (“MOORE AISIC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

34
NH
TY
T T
VỤ
I E
V G
157

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat được lập ngày 15 tháng 03 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

009.
NH
NHH
ÁN
N HQ
SC
TP. H.

51.
IG
PH
HƯ.
D.V.

T.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



Nguyễn Thị Phượng

Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHNKT: 4945-2024-005-1



Nguyễn Thanh Tùng

Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHNKT: 4981-2024-005-1

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC
MOORE AISC
HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

MOORE AISC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.402.246.075	69.689.794.993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23.088.809.228	14.415.928.095
1. Tiền	111		9.188.809.228	14.415.928.095
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.900.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	16.205.800	20.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		16.205.800	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		321.098.405	10.438.985.971
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	231.216.614	291.997.702
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	68.744.000	9.964.937.412
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	21.137.791	217.797.259
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(35.746.402)
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	3.878.346.994	24.225.844.422
1. Hàng tồn kho	141		3.878.346.994	24.225.844.422
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.785.648	109.036.505
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	97.758.756	109.036.505
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	26.892	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		237.152.926.722	165.199.082.048
I. Tài sản cố định	220		57.214.314.226	57.949.482.772
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.489.509.600	8.224.678.146
- Nguyên giá	222		10.329.616.599	10.956.020.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.840.106.999)	(2.731.342.453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	49.724.804.626	49.724.804.626
- Nguyên giá	228		49.724.804.626	49.724.804.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	171.800.000.000	98.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		98.800.000.000	98.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		73.000.000.000	-
III. Tài sản dài hạn khác	260		8.138.612.496	8.449.599.276
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	8.138.612.496	8.449.599.276
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		264.555.172.797	234.888.877.041

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.008.643.489	3.043.973.964
I. Nợ ngắn hạn	310		24.808.643.489	2.843.973.964
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.10	16.951.562.799	29.129.363
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	19.776.583	25.466.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	483.112.677	864.630.285
4. Phải trả người lao động	314		478.836.304	490.111.739
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	13.314.822	2.259.141
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	7.679.400	39.488.600
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	6.854.360.904	1.392.888.636
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000	200.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	200.000.000	200.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		239.546.529.308	231.844.903.077
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	239.546.529.308	231.844.903.077
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.999.900.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.999.900.000	200.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.207.827.061	2.254.827.061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.338.802.247	29.590.076.016
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		9.590.176.016	19.891.993.939
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.748.626.231	9.698.082.077
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		264.555.172.797	234.888.877.041

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	117.888.229.028	146.257.319.879
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	117.888.229.028	146.257.319.879
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	109.267.131.947	127.068.128.429
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		8.621.097.081	19.189.191.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	7.162.986.637	1.073.876.233
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	344.108.411	987.611.889
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		330.326.942	986.880.119
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	4.228.266.209	4.315.608.189
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	3.172.711.167	2.826.988.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		8.038.997.931	12.132.858.862
11. Thu nhập khác	31	VI.7	223.181.751	96.335
12. Chi phí khác	32	VI.8	165.892	10.095.729
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		223.015.859	(9.999.394)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.262.013.790	12.122.859.468
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	513.387.559	2.424.777.391
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		7.748.626.231	9.698.082.077



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.262.013.790	12.122.859.468
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		762.379.810	734.869.150
- Các khoản dự phòng	03		(35.746.402)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	731.770
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.183.507.423)	(1.063.514.481)
- Chi phí lãi vay	06		330.326.942	986.880.119
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.135.466.717	12.781.826.026
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		9.975.495.843	(9.606.530.173)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		20.347.497.428	11.709.648.018
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		16.423.531.408	(27.096.575.021)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		322.264.529	164.397.207
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(16.205.800)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(319.271.261)	(994.589.785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(444.777.391)	(2.959.271.287)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		48.424.001.473	(16.001.095.015)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(35.000.000)	(914.924.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		230.000.000	11.016.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		20.500.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(73.000.000.000)	-
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.139.407.392	997.791.506
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(45.165.592.608)	93.883.415
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	29.122.827.061
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(47.000.000)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		36.599.581.314	82.820.670.289
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.138.109.046)	(95.866.728.073)

1-Q
 ANI
 TN
 OAT
 TIN
 AIS
 -T

V
 11/11/23

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	.	5.414.472.268	16.076.769.277
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		8.672.881.133	169.557.677
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		14.415.928.095	14.246.370.418
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	23.088.809.228	14.415.928.095

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Người lập biểu
Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Như Quỳnh
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 9 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần

2. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

4. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 28 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2022: 24 nhân viên)

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P.Kỳ Sơn, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam	95%	95%	Sản xuất kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam	28,27%	28,27%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Thành phẩm:** bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.

- **Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:** chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo giá bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10- 30 năm
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	8 - 10 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê mặt bằng trả trước: Tiền thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền của Công ty trả trước cho phần diện tích đã thuê để sử dụng làm văn phòng, tiền thuê mặt bằng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian thuê còn lại là 468 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

17. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

18. Các bên liên quan

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền	9.188.809.228	14.415.928.095
Tiền mặt	816.057.114	390.954.058
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.372.752.114	14.024.974.037
Các khoản tương đương tiền	13.900.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	13.900.000.000	-
Cộng	23.088.809.228	14.415.928.095

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,4% đến 3,6%/năm tại Ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2023		01/01/2023		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	16.205.800	16.205.800	-	-	-
Cộng	16.205.800	16.205.800	-	-	-

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	-	20.500.000.000	20.500.000.000
Cộng	-	-	20.500.000.000	20.500.000.000

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	98.800.000.000	-	98.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98.800.000.000	-	98.800.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	73.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand (**)	73.000.000.000	-	-	-
Cộng	171.800.000.000	-	98.800.000.000	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(**) Trong kỳ, Công ty đã mua 5.200.000 Cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand từ các cá nhân, tổng mệnh giá mua 52.000.000.000 đồng với giá đầu tư của số cổ phần này là 72.800.000.000 đồng, phí đầu tư 200.000.000 đồng.

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/06/2023 và tờ trình số: 09/2023/TT-HĐQT ngày 07/06/2023

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 02/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/11/2023 và tờ trình số: 11/2023/TT-HĐQT ngày 27/10/2023

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Hà Nội	95,00%	95,00%	Sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand (**)	Hà Nội	28,27%	28,27%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	231.216.614	-	291.997.702	(35.746.402)
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	167.952.315	-	165.658.476	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Thành Mịch	40.278.384	-	6.944.008	-
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Hoàng Tiến	22.985.915	-	26.878.005	-
Các khách hàng khác	-	-	92.517.213	(35.746.402)
Cộng	231.216.614	-	291.997.702	(35.746.402)
4. Trả trước cho người bán	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	68.744.000	-	9.964.937.412	-
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC	66.000.000	-	64.800.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	-	-	9.897.321.412	-
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	2.744.000	-	2.816.000	-
Cộng	68.744.000	-	9.964.937.412	-
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	-	-	9.897.321.412	-
Cộng	-	-	9.897.321.412	-
5. Phải thu khác	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	21.137.791	-	217.797.259	-
Tạm ứng	-	-	20.000.000	-
Lãi dự thu tiền gửi	19.686.026	-	197.797.259	-
Phải thu khác	1.451.765	-	-	-
Cộng	21.137.791	-	217.797.259	-
6. Hàng tồn kho	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng gửi bán	-	-	13.809.394.152	-
Hàng hoá	3.878.346.994	-	10.354.676.235	-
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	57.507.535	-
Chi phí SX, KD dở dang	-	-	3.160.500	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.106.000	-
Cộng	3.878.346.994	-	24.225.844.422	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản cố định hữu hình							
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng		
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	5.660.225.077	2.812.024.000	810.435.834	1.673.335.688	10.956.020.599		
<i>Mua trong năm</i>	-	-	-	35.000.000	35.000.000		
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(661.404.000)	-	-	(661.404.000)		
Số dư cuối năm	5.660.225.077	2.150.620.000	810.435.834	1.708.335.688	10.329.616.599		
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	412.344.342	1.524.378.592	266.918.942	527.700.577	2.731.342.453		
<i>Khấu hao trong năm</i>	188.674.164	289.195.233	104.546.472	179.962.941	762.379.810		
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(653.615.264)	-	-	(653.615.264)		
Số dư cuối năm	601.018.506	1.159.959.561	371.465.414	707.663.518	2.840.106.999		
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	5.247.880.735	1.287.645.408	543.516.892	1.145.635.111	8.224.678.146		
Số dư cuối năm	5.059.206.571	990.660.439	438.970.420	1.000.672.170	7.489.509.600		

- Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không.
 - Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 638.285.455 VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư cuối năm	49.724.804.626	49.724.804.626
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư cuối năm	49.724.804.626	49.724.804.626

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất tại khu đô thị mới Cao Xanh, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 22.690.055.210 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại 31/12/2023 gồm:

+ Quyền sử dụng đất là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thời hạn lâu dài tại số 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

+ Quyền sử dụng đất là lô đất thời hạn lâu dài tại Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

9. Chi phí trả trước

	31/12/2023	01/01/2023
Chi phí trả trước ngắn hạn	97.758.756	109.036.505
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	97.758.756	109.036.505
Chi phí trả trước dài hạn	8.138.612.496	8.449.599.276
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	57.516.598	145.505.134
Quyền sử dụng mặt bằng (i)	7.994.336.514	8.225.498.058
Các khoản khác	86.759.384	78.596.084
Cộng	8.236.371.252	8.558.635.781

(i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội.

10. Phải trả người bán

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	16.951.562.799	16.951.562.799	29.129.363	29.129.363
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	16.827.055.442	16.827.055.442	-	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Phát triển Nhà & Đầu tư Hà Nội	113.850.000	113.850.000	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.657.357	10.657.357	29.129.363	29.129.363
Cộng	16.951.562.799	16.951.562.799	29.129.363	29.129.363

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Phải trả người bán (tiếp theo)	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Phải trả các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	16.827.055.442	16.827.055.442	-	-
Cộng	16.827.055.442	16.827.055.442	-	-

11. Người mua trả tiền trước	31/12/2023	01/01/2023
Ngắn hạn	19.776.583	25.466.200
Công ty Cổ phần TN HOME VN	10.000.000	-
Các khách hàng khác	9.776.583	25.466.200
Cộng	19.776.583	25.466.200

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	689.852.894	2.321.044.585	2.771.172.361	239.725.118
Thuế thu nhập doanh nghiệp	174.777.391	513.387.559	444.777.391	243.387.559
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	864.630.285	2.841.432.144	3.222.949.752	483.112.677
b. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	-	96.874.338	96.901.230	26.892
Cộng	-	96.874.338	96.901.230	26.892

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ bán hàng hóa	8% và 10%

Trong năm Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 44/2023/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8% từ 01/7/2023 và Nghị quyết Kỳ họp thứ 5, Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động trên phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2023	01/01/2023
13. Chi phí phải trả		
Ngắn hạn	13.314.822	2.259.141
Trích trước chi phí lãi vay	13.314.822	2.259.141
Cộng	13.314.822	2.259.141
14. Phải trả khác	31/12/2023	01/01/2023
a. Ngắn hạn	7.679.400	39.488.600
Kinh phí công đoàn	7.679.400	39.488.600
b. Dài hạn	200.000.000	200.000.000
Nhận ký quỹ Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
Cộng	207.679.400	239.488.600
c. Phải trả bên liên quan		
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
Cộng	200.000.000	200.000.000

// 01/01/2023
 JH
 JHT
 IN
 V HI
 SC
 TP.

// 01/01/2023
 P
 H

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

15. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2023	Giảm	Tăng	Giá trị	
Vay ngắn hạn (VND)	6.854.360.904	31.138.109.046	36.599.581.314	1.392.888.636	1.392.888.636
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vạn Phúc Hà Nội (*)	6.854.360.904	31.138.109.046	36.599.581.314	1.392.888.636	1.392.888.636
Cộng	6.854.360.904	31.138.109.046	36.599.581.314	1.392.888.636	1.392.888.636

(*) Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/3838347/HĐTD ký ngày 22/11/2023, gốc vay có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất vay Ngân hàng được quy định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất của Công ty đối với thửa đất tại Khu đô thị mới Cao Xanh, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND TP Hạ Long cấp ngày 09/05/2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận	Cộng
Số dư đầu tại 01/01/2022	173.132.000.000	-	19.891.993.939	193.023.993.939
Phát hành thêm cổ phiếu	26.868.000.000	2.254.827.061	-	29.122.827.061
Lợi nhuận	-	-	9.698.082.077	9.698.082.077
Số dư tại 31/12/2022	200.000.000.000	2.254.827.061	29.590.076.016	231.844.903.077
Số dư tại 01/01/2023	200.000.000.000	2.254.827.061	29.590.076.016	231.844.903.077
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (*)	19.999.900.000	(47.000.000)	(19.999.900.000)	(47.000.000)
Lợi nhuận	-	-	7.748.626.231	7.748.626.231
Số dư tại 31/12/2023	219.999.900.000	2.207.827.061	17.338.802.247	239.546.529.308

(*) Trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành 1.999.990 cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2022 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

- Căn cứ Tờ trình số 08/2023/TTr-HĐQT ngày 23/5/2023 về việc phát hành cổ phiếu chi trả cổ tức năm 2022.

- Căn cứ Quyết định của HĐQT số 10/2023/QĐ-HĐQT ngày 24/8/2023 về việc phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của công ty sau khi hoàn thành việc phát hành để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu cần vốn điều lệ tăng thêm: 19.999.900.000 đồng.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2023	01/01/2023
Đỗ Thanh Hải	21,5%	47.300.000.000	43.000.000.000
Cổ đông khác	78,5%	172.699.900.000	157.000.000.000
Cộng	100%	219.999.900.000	200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
Vốn góp của chủ sở hữu	219.999.900.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	173.132.000.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	19.999.900.000	26.868.000.000
Vốn góp cuối năm	219.999.900.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	19.999.900.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.999.990	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.999.990	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.999.990	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (*)	21.999.990	20.000.000
Cổ phiếu phổ thông	21.999.990	20.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	117.036.770.665	145.355.877.234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	851.458.363	901.442.645
Cộng	117.888.229.028	146.257.319.879
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	117.036.770.665	145.355.877.234
Doanh thu cung cấp dịch vụ	851.458.363	901.442.645
Cộng	117.888.229.028	146.257.319.879
3. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn hàng hóa	109.142.606.999	126.943.603.481
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	124.524.948	124.524.948
Cộng	109.267.131.947	127.068.128.429
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi	1.261.296.159	1.071.512.053
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.700.000.000	-
Lãi đầu tư chứng khoán	201.690.478	-
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện trong kỳ	-	2.364.180
Cộng	7.162.986.637	1.073.876.233
5. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	330.326.942	986.880.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	731.770
Lỗ từ bán chứng khoán kinh doanh	13.781.469	-
Cộng	344.108.411	987.611.889
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	2.189.985.336	2.290.917.982
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	19.400.569	45.054.383
Chi phí khấu hao TSCĐ	375.524.689	395.342.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.643.355.615	1.584.293.075
Cộng	4.228.266.209	4.315.608.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên	1.650.339.904	1.488.363.901
Chi phí đồ dùng văn phòng	317.492.250	242.354.056
Chi phí khấu hao TSCĐ	262.330.173	215.001.453
Thuế, phí, lệ phí	15.494.000	19.015.284
Dự phòng phải thu khó đòi	16.952.296	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	880.284.544	582.555.780
Chi phí bằng tiền khác	29.818.000	279.698.269
Cộng	3.172.711.167	2.826.988.743

7. Thu nhập khác

	Năm 2023	Năm 2022
Thu nhập từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	222.211.264	-
Thu nhập khác	970.487	96.335
Cộng	223.181.751	96.335

8. Chi phí khác

	Năm 2023	Năm 2022
Chi thanh lý nhượng bán tài sản cố định	-	8.813.572
Các khoản chi phí khác	165.892	1.282.157
Cộng	165.892	10.095.729

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.262.013.790	12.122.859.468
Các khoản điều chỉnh tăng	5.818.000	1.027.487
- Chi phí không được trừ	5.818.000	1.027.487
Các khoản điều chỉnh giảm	5.700.894.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.700.000.000	-
Các khoản khác	894.000	-
2. Thu nhập tính thuế	2.566.937.790	12.123.886.955
3. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	513.387.559	2.424.777.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

10.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

10.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/12/2023	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.854.360.904	-	-	6.854.360.904
Phải trả người bán	16.951.562.799	-	-	16.951.562.799
Phải trả khác	7.679.400	200.000.000	-	207.679.400
Chi phí phải trả	13.314.822	-	-	13.314.822
Cộng	23.826.917.925	200.000.000	-	24.026.917.925
Tại ngày 01/01/2023				
Các khoản vay và nợ	1.392.888.636	-	-	1.392.888.636
Phải trả người bán	29.129.363	-	-	29.129.363
Phải trả khác	39.488.600	200.000.000	-	239.488.600
Chi phí phải trả	2.259.141	-	-	2.259.141
Cộng	1.463.765.740	200.000.000	-	1.663.765.740

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2023	Dự phòng	31/12/2022	31/12/2022
Tài sản tài chính				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	23.088.809.228	-	14.415.928.095	-
- Phải thu khách hàng	231.216.614	-	291.997.702	(35.746.402)
- Phải thu khác	21.137.791	-	217.797.259	-
TỔNG CỘNG	23.341.163.633	-	14.925.723.056	(35.746.402)
Nợ phải trả tài chính				
- Vay và nợ	6.854.360.904	-	1.392.888.636	-
- Phải trả người bán	16.951.562.799	-	29.129.363	-
- Chi phí phải trả	13.314.822	-	2.259.141	-
- Phải trả khác	207.679.400	-	239.488.600	-
TỔNG CỘNG	24.026.917.925	-	1.663.765.740	-
			23.341.163.633	14.889.976.654
			6.854.360.904	1.392.888.636
			16.951.562.799	29.129.363
			13.314.822	2.259.141
			207.679.400	239.488.600
			24.026.917.925	1.663.765.740

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính.

20051
CHI
CÔNG
KIỂM
Á DỊCH
MỘC
SÁ TR

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính

2. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Ông Đỗ Mạnh Tú

Cổ đông công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Ông Đỗ Mạnh Tú	Mua hàng hóa dịch vụ	24.000.000	24.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	24.000.000	24.000.000
Thu nhập của Tổ kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên tổ Kiểm toán nội bộ	88.659.000	29.535.538
Bà Đỗ Thị Hường	Thành viên Ban Kiểm soát	144.711.444	56.109.000
Bà Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên Ban Kiểm soát	141.776.444	135.871.810
Bà Nguyễn Thị Thùy	Trưởng ban Kiểm soát	146.309.444	130.071.329
Bà Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	305.752.778	217.226.231
Bà Trần Thị Vui	Nguyên Kế toán trưởng	-	120.135.615
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	269.408.593	80.922.598
Cộng		1.096.617.704	769.872.121

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Bên liên quan khác**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng

Công ty con

Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome

Công ty có Giám đốc là người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng

b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Bên liên quan khác	Tính chất giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	818.400.000	818.400.000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.963.447.973	2.887.084.929
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Mua hàng hóa dịch vụ	96.817.958.168	122.170.343.439
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	Mua hàng hóa dịch vụ	111.192.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	818.400.000	1.023.000.000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.963.447.973	2.887.084.929
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	111.192.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	80.093.581.314	159.240.024.779
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Đặt cọc	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Trả lại tiền đặt cọc	-	20.000.000.000

b.2. Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại mục phải thu, phải trả trong các thuyết minh V.4, V.10, V.14.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC kiểm toán.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Người lập biểu

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2024



Nguyễn Thị Như Quỳnh

Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh

Tổng Giám đốc

